

TRƯỜNG THPT PHƯỚC LONG

TỔ: SỬ - GD&CD

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I - NH 2023-2024

MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT - LỚP 11

A. HÌNH THỨC KIỂM TRA

Trắc nghiệm 100% bao gồm 40 câu (mỗi câu 0,25 điểm)

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

Nội dung kiểm tra cuối HKI gồm 7 bài:

- + Bài 1. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường.
- + Bài 2. Cung, cầu trong kinh tế thị trường.
- + Bài 3. Lạm phát trong kinh tế thị trường.
- + Bài 4. Thất nghiệp trong kinh tế thị trường.
- + Bài 5. Thị trường lao động, việc làm.
- + Bài 6. Ý tưởng và cơ hội kinh doanh.
- + Bài 7. Năng lực cần thiết của người kinh doanh

C. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Giành giật những điều kiện thuận lợi trong sản xuất nhằm thu được lợi nhuận cao nhất cho mình - đó là sự cạnh tranh giữa những chủ thể nào?

- A. Giữa các chủ thể sản xuất với nhau.
- B. Giữa người sản xuất và người tiêu dùng.
- C. Giữa người tiêu dùng với nhau.
- D. Giữa các chủ thể tham gia trên thị trường.

Câu 2. Nội dung nào sau đây **không phải** là vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường?

- A. Không đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng và xã hội.
- B. Cạnh tranh là động lực thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.
- C. Người tiêu dùng được tiếp cận với hàng hóa, dịch vụ chất lượng tốt.
- D. Cạnh tranh trở thành động lực cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường.

Câu 3. Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống (.....) trong khái niệm sau đây: “..... là những hành vi trái với quy định của pháp luật, các nguyên tắc thiện chí, trung thực, tập quán thương mại, các chuẩn mực khác trong kinh doanh; có thể gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp khác hoặc người tiêu dùng, tổn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến đời sống xã hội. động xấu đến đời sống xã hội”.

- A. Văn hóa tiêu dùng.
- B. Đạo đức kinh doanh.
- C. Cạnh tranh lành mạnh.
- D. Cạnh tranh không lành mạnh.

Câu 4. Hành vi nào sau đây là biểu hiện của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Xâm phạm bí mật kinh doanh.
- B. Nâng cao chất lượng dịch vụ, hàng hóa.

- C. Đầu tư, cải tiến trang thiết bị, máy móc.
- D. Đãi ngộ tốt với lao động có tay nghề cao.

Câu 5. Nội dung nào sau đây **sai** khi bàn về vấn đề cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Là những hành vi trái với quy định của pháp luật.
- B. Gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của doanh nghiệp khác.
- C. Phù hợp với nguyên tắc thiện chí, trung thực trong kinh doanh.
- D. Tồn hại đến môi trường kinh doanh, tác động xấu đến xã hội.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh kinh tế?

- A. Tồn tại nhiều chủ sở hữu, là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh.
- B. Sự tương đồng về chất lượng sản phẩm và điều kiện sản xuất giữa các chủ thể kinh tế.
- C. Các chủ thể kinh tế luôn giành giật những điều kiện thuận lợi để thu lợi nhuận cao nhất.
- D. Các chủ thể kinh tế có điều kiện sản xuất khác nhau, tạo ra chất lượng sản phẩm khác nhau.

Câu 7: Việc nhiều chủ sản xuất và kinh doanh hàng giả là phản ánh nội dung nào dưới đây của việc cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường.
- B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp.
- C. Làm cho môi trường suy thoái.
- D. Triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh.

Câu 8: Thấy quán ăn của mình ế khách, anh K đã trao đổi với vợ về việc quán bán thêm một vài món mới đồng thời đổi mới phong cách, thái độ phục vụ khách hàng, đầu tư nơi để xe và đổi mới công tác truyền thông. Xét về mặt bản chất kinh tế, những việc làm trên là biểu hiện của hình thức

- A. cạnh tranh không lành mạnh.
- B. cạnh tranh tiêu cực.
- C. chiêu thức trong kinh doanh.
- D. cạnh tranh lành mạnh.

Câu 9: Do nhu cầu về bánh trung thu của người tiêu dùng tăng lên vào dịp tết trung thu nên anh K đã đầu tư vào sản xuất bánh trung thu để bán, còn chị T thì thu mua bánh trung thu kém chất lượng và bán với giá rất rẻ. Gần đó, ông H và anh D cũng hùn vốn để thu mua hết tất cả bánh trung thu của các cửa hàng nhưng không bán ra thị trường mà để trong nhà chờ giá cao mới bán. Hành vi của chủ thể nào dưới đây là biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Anh K, ông H và anh D
- B. Ông H và anh D
- C. Anh K và chị T.
- D. Ông H, anh D và chị T.

Câu 10: Do quán của mình vắng khách, trong khi quán của chị S khách vào ra tấp nập nên chị K đã nhờ M thuê N và G dàn dựng clip sai sự thật về việc bán hàng của S và đưa lên face book. U chia sẻ bài viết của K cho F. Việc kinh doanh của chị S đổ bể hoàn toàn do nhiều người phản đối chị S. Xét về mặt bản chất kinh tế, các chủ thể kinh tế nào dưới đây sử dụng các biện pháp cạnh tranh không lành mạnh?

- A. Chị M.
- B. Chị K.
- C. Chị G.
- D. Chị N.

Câu 11. Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống (...) trong khái niệm sau: “..... là lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng sẵn sàng mua với một mức giá nhất định trong khoảng thời gian xác định”.

- A. cung.
- B. cầu.
- C. giá trị.
- D. giá cả.

Câu 12. Xác định nhân tố ảnh hưởng đến lượng cầu hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp sau:

Trường hợp. Xu hướng tiêu dùng “sản phẩm xanh” đang dần trở thành phổ biến ở Việt Nam. Người tiêu dùng ngày càng chọn mua nhiều hơn các sản phẩm có yếu tố “xanh”, lựa chọn các

phương thức tiêu dùng bền vững, thân thiện với môi trường. Đây là những thay đổi tích cực của xu hướng tiêu dùng, làm cho cộng đồng “người tiêu dùng xanh” ngày càng trở nên đông đảo.

- A. Thu nhập của người tiêu dùng.
- B. Tâm lý, thị hiếu của người tiêu dùng.
- C. Giá cả của hàng hóa, dịch vụ thay thế.
- D. Quy mô dân số thế giới ngày càng tăng.

Câu 13. Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, các doanh nghiệp thường có xu hướng thu hẹp quy mô sản xuất và kinh doanh khi

- A. giá cả thị trường giảm xuống
- B. lượng cung nhỏ hơn lượng cầu.
- C. giá trị thấp hơn giá cả.
- D. nhu cầu tiêu dùng tăng lên.

Câu 14. Số lượng hàng hóa, dịch vụ mà nhà cung cấp sẵn sàng đáp ứng cho nhu cầu của thị trường với mức giá được xác định trong khoảng thời gian nhất định được gọi là

- A. cung. B. cầu. C. giá trị. D. giá cả.

Câu 15. Nội dung nào sau đây **không phải** là biểu hiện của quan hệ cung - cầu?

- A. Cung - cầu tác động lẫn nhau.
- B. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.
- C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.
- D. Cung - cầu ảnh hưởng lẫn nhau.

Câu 16. Nhân tố nào sau đây **không** ảnh hưởng đến lượng cung hàng hóa, dịch vụ?

- A. Giá cả các yếu tố đầu vào.
- B. Thu nhập của người tiêu dùng.
- C. Kỳ vọng của chủ thể sản xuất.
- D. Giá bán sản phẩm.

Câu 17: Khi giá cả một mặt hàng mà em thường sử dụng tăng cao do lượng người mua đông mà hàng lại khan hiếm thì vận dụng quan hệ cung - cầu, em sẽ lựa chọn cách nào dưới đây theo hướng có lợi nhất cho mình?

- A. Chấp nhận mua mặt hàng đó với giá cao vì đã quen dùng.
- B. Tìm mua một mặt hàng tương đương có giá thấp hơn.
- C. Đợi khi nào mặt hàng đó ổn định thì tiếp tục mua.
- D. Bỏ hẳn không mua và không sử dụng mặt hàng đó nữa.

Câu 18: H rất thích ăn thịt bò trong thực đơn hàng ngày của mình nhưng giá thịt bò tăng cao, trong khi giá thịt lợn lại giảm rất mạnh. Để phù hợp với quy luật cung cầu và để tiêu dùng có lợi nhất, bạn H nên điều chỉnh hoạt động tiêu dùng của mình như thế nào để có lợi nhất?

- A. không ăn thịt mà chỉ mua rau.
- B. chuyển sang ăn chay đợi cho thịt bò xuống.
- C. chuyển sang dùng thêm thịt lợn.
- D. giữ nguyên thực đơn thịt bò hàng ngày.

Câu 19: Qua mùa trung thu, nhu cầu về bánh trung thu của người tiêu dùng giảm xuống nên nhà sản xuất đã thu hẹp quy mô sản xuất bánh trung thu để chuyển sang sản xuất sản phẩm khác. Nhà sản xuất làm như vậy để

- A. thu hút thị hiếu người tiêu dùng.
- B. thu nhiều lợi nhuận.
- C. cạnh tranh với các mặt hàng khác
- D. tránh bị thua lỗ.

Câu 20: Chị C bán hàng giày dép online trên mạng, thấy người mua nhiều nên chị nâng giá bằng cách thông báo với mọi người rằng do chị phải nhập với giá cao hơn trước. Chị C đã thực hiện biểu hiện nào của quan hệ cung – cầu?

- A. Vai trò của quan hệ cung – cầu.
- B. Cung – cầu tác động lẫn nhau.
- C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.
- D. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.

Câu 21: Vào đầu mỗi năm học mới, nhu cầu văn phòng phẩm của học sinh tăng, các nhà sản xuất đã đẩy mạnh sản xuất. Xét về quan hệ cung cầu thì nhà sản xuất đã vận dụng nội dung nào dưới đây?

- A. Cung - cầu tác động lẫn nhau.
- B. Cung - cầu ảnh hưởng tới giá cả thị trường.
- C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.
- D. Cung - cầu triệt tiêu lẫn nhau.

Câu 22: Nhân dịp lễ 30/4 các công ty lữ hành giảm giá, Giám đốc ngân hàng A đã cho toàn thể nhân viên dưới quyền nghỉ để đi du lịch. Giám đốc A đã vận dụng nội dung nào dưới đây của quan hệ cung – cầu?

- A. Giá cả độc lập với cầu.
- B. Giá cả tăng thì cầu giảm.
- C. Giá cả ngang bằng giá trị.
- D. Giá cả giảm thì cầu tăng.

Câu 23: Chị H bán quần áo, chị liên tục cập nhật và lấy những mẫu quần áo được giới trẻ ưa chuộng hiện nay. Chị H đã thực hiện biểu hiện nào của quan hệ cung – cầu?

- A. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.
- B. Vai trò của quan hệ cung – cầu.
- C. Cung – cầu tác động lẫn nhau.
- D. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu.

Câu 24: Chị M, N, K, H cùng bán hàng trái cây, thời gian gần đây có thêm nhiều cửa hàng trái cây mới mà số lượng người mua thì ít nên việc buôn bán thường bị thua lỗ. Chị M đã chuyển sang bán rau cải vì mặt hàng này còn ít người bán, chị N thì mở rộng thêm quy mô và nhập về nhiều hàng hơn trước, chị K thì không thay đổi gì nhưng chị H thì đi tìm thị trường có thể tiêu thụ hàng hóa tốt hơn để buôn bán. Trường hợp này những ai đã thực hiện tốt tác động của quan hệ cung - cầu để góp phần duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh?

- A. Chị H và chị N.
- B. Chị N và chị M.
- C. Chị M và chị K.
- D. Chị M và chị H.

Câu 25: Qua mùa trung thu, nhu cầu về bánh trung thu của người tiêu dùng giảm xuống. Ban lãnh đạo công ty quyết định ban các giải pháp để duy trì hoạt động của công ty. Trong các giải pháp

sau đây, giải pháp nào sẽ giúp cho công có thể đứng vững và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh để có lợi nhất?

- A.** Thu hẹp sản xuất bánh trung thu để chuyển sang sản xuất sản phẩm khác.
- B.** Tiếp tục sản xuất bánh trung thu và đẩy mạnh quảng cáo sản phẩm.
- C.** Vẫn sản xuất đại trà bánh trung thu để chuẩn bị cho mùa trung thu năm sau
- D.** Đóng cửa sản xuất, chờ mùa trung thu năm sau.

Câu 26. Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ thường tăng ở mức độ

- A.** một con số.
- B.** hai con số trở lên.
- C.** không đáng kể.
- D.** không xác định

Câu 27. Trong nền kinh tế, khi mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hằng năm, gây bất ổn nghiêm trọng trong nền kinh tế khi đó lạm phát của nền kinh tế ở mức độ

- A.** lạm phát vừa phải.
- B.** lạm phát phi mã.
- C.** siêu lạm phát.
- D.** lạm phát tượng trưng.

Câu 28. Trong nền kinh tế, nếu lạm phát càng tăng lên thì giá trị đồng tiền sẽ

- A.** tăng theo.
- B.** giảm xuống.
- C.** không đổi.
- D.** sinh lời.

Câu 29. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là do

- A.** chi phí sản xuất tăng cao.
- B.** chi phí sản xuất giảm sâu.
- C.** các yếu tố đầu vào giảm.
- D.** chi phí sản xuất không đổi.

Câu 30. Một trong những nguyên nhân dẫn tới hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế là trong quá trình sản xuất có sự tăng giá của

- A.** các yếu tố đầu vào.
- B.** các yếu tố đầu ra.
- C.** cung tăng quá nhanh.
- D.** cầu giảm quá nhanh.

Câu 31: Đối với nền kinh tế, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến chi phí và các yếu tố đầu vào tăng cao từ đó dẫn đến hậu quả các doanh nghiệp

- A.** mở rộng quy mô sản xuất.
- B.** thu hẹp quy mô sản xuất.
- C.** tăng cường tiềm lực tài chính.
- D.** đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa.

Câu 32: Đối với xã hội, khi lạm phát xảy ra sẽ khiến cho thu nhập thực tế của người lao động có xu hướng

- A.** tăng.
- B.** giảm.
- C.** không đổi.
- D.** cân bằng.

Câu 33: Việc làm nào dưới đây của cơ quan quản lý nhà nước sẽ góp phần kiềm chế tiến tới đẩy lùi nguy cơ lạm phát trong nền kinh tế?

- A.** Giảm cung tiền.
- B.** Nâng mệnh giá tiền.
- C.** Cấm xuất khẩu.
- D.** Dừng sản xuất.

Câu 34: Đối với các doanh nghiệp, khi nền kinh tế có dấu hiệu lạm phát việc làm nào dưới đây sẽ góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp phục hồi vượt qua khủng hoảng?

- A.** Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp.
- B.** Tăng thuế thu nhập doanh nghiệp.
- C.** Tạm đình chỉ hoạt động nhà máy.
- D.** Giảm hạn ngạch xuất khẩu hàng hóa.

Câu 35. Đọc thông tin sau và trả lời câu hỏi:

Thông tin. Năm 1985, Việt Nam tiến hành đổi tiền theo Quyết định số 01/HĐBT-TĐ ngày 13/9/1985. Sau cuộc đổi tiền, nền kinh tế rơi vào tình trạng lạm phát tăng cao: CPI năm 1986 tăng lên 114,7%, năm 1987 là 323,1% , năm 1988 là 393%.

Câu hỏi: Xác định tình trạng lạm phát ở Việt Nam trong giai đoạn 1986 - 1988.

- A. Lạm phát vừa phải.
- B. Lạm phát phi mã.
- C. Siêu lạm phát.
- D. Lạm phát nghiêm trọng.

Câu 36: Tình trạng người lao động mong muốn có việc làm nhưng chưa tìm được việc làm là nội dung của khái niệm

- A. thất nghiệp.
- B. lạm phát.
- C. thu nhập.
- D. khủng hoảng.

Câu 37: Trong nền kinh tế, việc phân chia thất nghiệp thành thất nghiệp tự nguyện, thất nghiệp không tự nguyện là căn cứ vào

- A. tính chất của thất nghiệp.
- B. nguồn gốc thất nghiệp.
- C. chu kỳ thất nghiệp.
- D. cơ cấu thất nghiệp.

Câu 38: Việc phân chia các loại hình thất nghiệp thành thất nghiệp tạm thời, thất nghiệp cơ cấu, thất nghiệp chu kì là căn cứ vào

- A. tính chất của thất nghiệp.
- B. nguồn gốc thất nghiệp.
- C. chu kỳ thất nghiệp.
- D. nguyên nhân của thất nghiệp.

Câu 39: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Cơ chế tinh giảm lao động.
- B. Thiếu kỹ năng làm việc.
- C. Đơn hàng công ty sụt giảm.
- D. Do tái cấu trúc hoạt động.

Câu 40: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân khách quan khiến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

- A. Do khả năng ngoại ngữ kém.
- B. Do thiếu kỹ năng làm việc.
- C. Do không đáp ứng yêu cầu.
- D. Do công ty thu hẹp sản xuất.

Câu 41: Việc làm nào dưới đây sẽ góp phần giải quyết vấn đề thất nghiệp ở nước ta hiện nay?

- A. Phát triển sản xuất và dịch vụ.
- B. Xóa bỏ định kiến về giới.
- C. Chia đều lợi nhuận khu vực.
- D. Hưởng chế độ phụ cấp khu vực.

Câu 42: Chị Y và nhóm bạn của mình đang thất nghiệp. Chị Y đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán doanh nghiệp nhưng làm nhân viên hành chính cho một cơ sở giáo dục. Sau một thời gian làm việc, chị quyết định thôi việc để đi tìm công việc mới phù hợp với sở thích và khả năng của mình. Anh X bị doanh nghiệp cho thôi việc do vi phạm kỉ luật lao động nhiều lần, anh T bị mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất kinh doanh. Đâu không phải là nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp trong các trường hợp trên?

- A. Do không hài lòng với công việc.
- B. Do vi phạm kỷ luật lao động.
- C. Do cơ sở kinh doanh đóng cửa.
- D. Do mất cân đối cung cầu lao động.

Câu 43: Thời gian gần đây, do giá xăng dầu thế giới tăng, chi phí vận tải đường biển tăng, nguồn cung nhập khẩu bị đứt gãy, hàng loạt doanh nghiệp, xí nghiệp A phải tạm ngưng sản xuất, hàng vạn lao động phải nghỉ việc hoặc ngưng việc, thu nhập giảm xuống. Điều này làm giảm tiêu dùng,

thu hẹp sản xuất trong nền kinh tế và càng khiến cho các doanh nghiệp lao đao, thua lỗ. Số xí nghiệp tạm ngưng sản xuất hoặc giải thể ngày càng tăng lên. Yếu tố nào dưới đây là nguyên nhân dẫn đến thất nghiệp gia tăng?

A. Do sự vận động của nền kinh tế.

B. Do năng lực của người lao động.

C. Do sự mất cân đối cung cầu.

D. Do người lao động thiếu kỹ năng.

Câu 44: Do tác động của khủng hoảng kinh tế, công ty Z lên kế hoạch tinh giảm và tinh giảm một số bộ phận. Chị H sau khi viết đơn xin nghỉ việc và được nhận trợ cấp, chị đã dùng số tiền đó để mở một cửa hàng tạp hóa công việc dần đi vào ổn định. Chị M sau khi nghỉ việc đã nộp đơn lên cơ quan chức năng và được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Anh L, vốn là thợ có tay nghề cao sau khi nghỉ việc đã nộp đơn vào công ty P, trong lúc chờ ký hợp đồng anh tranh thủ đi du lịch cùng gia đình kết hợp tìm kiếm cơ hội kinh doanh. Chị Q sau khi nghỉ việc tại công ty X đã được công ty T nhận vào làm việc và trải qua thời gian tập sự 3 tháng trước khi ký hợp đồng chính thức. Những ai dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp?

A. Chị H và chị M.

B. Anh L và chị Q.

C. Chị M và anh L.

D. Chị Q và chị H.

Câu 45: Trên địa bàn huyện X, gia đình anh H và vợ là chị D, do kinh tế khó khăn, anh H quyết định đưa cả gia đình về quê sinh sống. Sau khi tìm hiểu một số công ty, anh H quyết định nộp hồ sơ xin việc vào một số công ty trên địa bàn. Chị D vốn là giáo viên mầm non, sau khi chuyển về quê, chị xin vào làm tạp vụ tại một cơ sở sản xuất kinh doanh với mức lương thấp nên chị chưa muốn đi làm. Bố anh là ông K năm nay 55 tuổi, đã làm cho một công ty sản xuất ô tô gần 30 năm. Vì có trình độ tay nghề cao nên khi doanh nghiệp tái cơ cấu, ông K tiếp tục làm việc đến khi về hưu. Em trai anh H là anh Y là kỹ sư công nghệ thông tin cho một công ty có vốn nước ngoài. Những ai dưới đây đang ở trong tình trạng thất nghiệp?

A. Anh H và chị D.

B. Anh H và ông K.

C. Anh Y và anh H.

D. Chị D và ông K.

Câu 46. Việc làm là

A. tất cả những hoạt động có mục đích, có ý thức của con người.

B. hoạt động lao động tạo ra thu nhập và không bị pháp luật cấm.

C. tất cả những hoạt động lao động đem lại thu nhập cho con người.

D. những hoạt động lao động tạo ra thu nhập bị pháp luật nghiêm cấm.

Câu 47. Thị trường lao động và thị trường việc làm có mối quan hệ như thế nào?

A. Tác động qua lại chặt chẽ với nhau.

B. Tồn tại độc lập, không có mối liên hệ gì.

C. Tác động một chiều từ phía thị trường lao động.

D. Tác động một chiều từ phía thị trường việc làm.

Câu 48. Khi khả năng cung ứng lao động lớn hơn khả năng tạo việc làm sẽ dẫn đến tình trạng nào?

A. Gia tăng tình trạng thất nghiệp.

B. Thiếu hụt lực lượng lao động.

C. Cung cấp nguồn lao động dồi dào.

d. Giải quyết việc làm cho xã hội.

Câu 49. Khai thác thông tin dưới đây và cho biết: nhận xét nào đúng về tình hình cung - cầu lao động trên thị trường ở Việt Nam năm 2021?

Thông tin. Năm 2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của Việt Nam đạt 50,6 triệu người. Trong đó, lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 49,1 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ước tính là 3,20%, tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 3,10%.

- A. Nguồn cung lao động nhỏ hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.
- B. Có sự cân bằng giữa nguồn cung lao động với nhu cầu tuyển dụng.
- C. Nguồn cung lao động lớn hơn so với nhu cầu tuyển dụng việc làm.
- D. Cán cân cung - cầu lao động được giữ ở mức cân bằng và ổn định.

Câu 50. Xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường ở Việt Nam hiện nay chú trọng vào

- A. lao động giản đơn.
- B. lao động chất lượng cao.
- C. lao động phổ thông.
- D. lao động chưa qua đào tạo.

Câu 51. Những suy nghĩ, hành động sáng tạo, có tính khả thi, có thể đem lại lợi nhuận trong kinh doanh được gọi là

- A. ý tưởng kinh doanh.
- B. lợi thế nội tại.
- C. cơ hội kinh doanh.
- D. cơ hội bên ngoài.

Câu 52. Cơ hội kinh doanh là gì?

- A. Là một bản hợp đồng thỏa thuận giữa người lao động và người lao động về các điều khoản phù hợp trong quá trình làm việc
- B. Là sự xuất hiện những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện được mục tiêu kinh doanh.
- C. Là sự biến mất của những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện được mục tiêu kinh doanh
- D. Là sự biến đổi các ý tưởng trong quá trình điều chỉnh các ý tưởng khi thực hiện hoạt động kinh doanh

Câu 53. Ý tưởng kinh doanh giúp chủ kinh doanh định hướng được việc kinh doanh của mình như thế nào?

- A. Từ ý tưởng kinh doanh chỉ xác định được đối tượng khách hàng
- B. Từ ý tưởng kinh doanh có thể xác định được mặt hàng kinh doanh, cách thức kinh doanh, mục tiêu kinh doanh
- C. Từ ý tưởng kinh doanh chỉ xác định được các cách thức kinh doanh
- D. Từ ý tưởng kinh doanh sẽ chỉ xác định được mục tiêu muốn kinh doanh

Câu 54. Nếu ý tưởng kinh doanh của một doanh nghiệp chỉ có tính sáng tạo không màng đến các yếu tố khả thi khác thì sẽ dẫn tới điều gì?

- A. Tạo được ra các sản phẩm mang tính độc đáo, ấn tượng mạnh mẽ với đối tượng khách hàng
- B. Thành công thu được lợi nhuận lớn
- C. Có thể không thực hiện được, gây ra các thua lỗ trong hoạt động kinh doanh
- D. Thực hiện thành công các ý tưởng đã được đề ra

Câu 55. Cửa hàng ăn vặt tại cổng trường của hộ ông H, những tháng gần đây buôn bán rất tốt do món khoai tây chiên của quán ông bà được rất nhiều các em học sinh thích và đón nhận. Theo em, sắp tới ông H sẽ có dự định gì cho cửa hàng của mình?

- A. Hộ ông H sẽ thu hẹp lại quy mô kinh doanh của nhà mình
- B. Hộ gia đình của ông H sẽ thêm vào một số món ăn khác trong thực đơn của quán
- C. Hộ gia đình của ông H sẽ nghĩ đến việc mở rộng quy mô kinh doanh của mình
- D. Gia đình ông H sẽ thay đổi món khoai tây chiên trong thực đơn của quán

Câu 56. Sự khéo léo, chủ động trong giao tiếp, đàm phán; tự tin và biết kiểm soát cảm xúc; giải quyết hài hoà các mối quan hệ bên trong và bên ngoài liên quan đến công việc kinh doanh - đó là biểu hiện cho năng lực nào của người kinh doanh?

- A. Năng lực thiết lập quan hệ.
- B. Năng lực tổ chức, lãnh đạo.
- C. Năng lực cá nhân.
- D. Năng lực phân tích và sáng tạo.

Câu 57. Theo em, việc có năng lực tạo dựng mối quan hệ sẽ giúp ích cho việc kinh doanh như thế nào?

- A. Tìm kiếm được nhiều người mua hàng hơn
- B. Có được các sự giúp đỡ cần thiết, học tập thêm được nhiều kinh nghiệm
- C. Có nhiều người cùng chí hướng
- D. Thực hiện được các nhiệm vụ kinh doanh một cách nhanh chóng

Câu 58. Vì sao cần phải có năng lực dự báo và kiểm soát rủi ro trong kinh doanh?

- A. Giúp cho doanh nghiệp đó có thêm việc cho nhân viên làm
- B. Góp phần đảm bảo uy tín cho doanh nghiệp
- C. Xây dựng được các hàng rào tránh khỏi các nguy hiểm tiềm ẩn, giảm thiểu tối đa các tác động khi có các tác động tiêu cực xảy ra
- D. Giúp doanh nghiệp không gặp phải các vấn đề tiêu cực

Câu 59. Gần đây nhận thấy các bạn học sinh rất thích thú với những món ăn vặt như khoai tây chiên, trứng gà nướng,... ông P quyết định mở một gian hàng ăn vặt cạnh trường học để kiếm thêm thu nhập. Theo em, ông P đã vận dụng điều gì để có thể đưa được ra phương án kinh doanh cho mình?

- A. Ông P đã dựa vào kĩ năng nắm bắt thông tin của mình để đưa ra được ý tưởng kinh doanh phù hợp
- B. Ông P đã dựa vào khả năng lãnh đạo của bản thân để có được cách dẫn dắt quán ăn của mình
- C. Ông P đã dựa vào những mối quan hệ mà mình có được để tìm ra được phương án kinh doanh phù hợp
- D. Ông P đã dựa vào sự nhạy bén trong việc vận hành vốn đầu tư để đưa ra được chính sách kinh doanh hiệu quả.

Câu 60. Để có thể tiếp cận được với đối tượng khách hàng là người trẻ và P có thực hiện một số kế hoạch quảng cáo các mặt hàng, ngoài ra đưa ra một số chính sách giảm giá để thu hút các bạn trẻ đến trải nghiệm các dịch vụ tại quán. Chiến dịch của bà P được các bạn trẻ nhiệt tình đón nhận

ý tưởng. Theo em việc đưa ra các chính sách mới để gần gũi hơn với các bạn trẻ của bà P được vận dụng từ các kỹ năng thực tế nào?

- A. Nhờ vào kỹ năng quan sát thị trường của bà P
- B. Dựa vào kỹ năng lực tìm kiếm dòng vốn trong thị trường
- C. Dựa vào khả năng lãnh đạo của bà P
- D. Dựa vào các kỹ năng thiết lập mối quan hệ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2023

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Bùi Thị Thủy